

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tàu Cuốc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Tàu Cuốc là Công ty cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty thi công cơ giới thủy - Đầu tư và xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005803 ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/9/2011 với mã số doanh nghiệp là 0300565610, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa khẩu công trình thủy lợi, cửa sông, bến cảng. San lấp mặt bằng, bồi trúc công trình, xây dựng công trình thủy lợi trên hệ thống kênh; Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp. Nạo vét luồng, cảng, sông, biển. Xây dựng phần thủy công của công trình thủy điện. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Khai thác, vận tải vật liệu xây dựng, vật tư chuyên dùng.
- Lắp đặt các cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi.
- Mua bán tàu, xe, máy thiết bị chuyên dùng và phụ tùng, vật tư cho đóng mới, sửa chữa tàu, xe, máy. Mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị giao thông và xây dựng.
- Đóng mới, cải hoán, sửa chữa vỏ tàu chuyên dùng, xà lan và phương tiện vận tải thủy bộ.
- Gia công phục hồi phụ tùng trong lĩnh vực cơ giới thủy lục.
- Dạy nghề.
- San lấp mặt bằng, bồi trúc công trình.
- Sửa chữa xe, tàu, máy chuyên dùng.
- Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà.
- Sản xuất các loại cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi;

Trụ sở chính của Công ty tại số 16/9 đường Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), tổng số cổ phiếu là 2.500.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Đặng Kim Ái	Chủ tịch
Ông Đỗ Đại Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hải	Ủy viên
Ông Thái Hữu Vinh	Ủy viên
Ông Cao Thế Trung	Ủy viên



Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2012

Số: /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Tàu Cuốc

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tàu Cuốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tàu Cuốc được lập ngày 28/3/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty được ghi nhận tại Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công nợ phải thu, phải trả chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu vào thời điểm ngày 31/12/2011.

Số thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được xác định lại theo quyết định của cơ quan thuế.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của nó (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính thì, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tàu Cuốc tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh

doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
HÀ NỘI - CHI NHÁNH HÀ NỘI**



Giám đốc

Tông Thị Bích Lan

Chứng chỉ KTV số: 060/KTV

Kiểm toán viên



Đinh Thế Hùng

Chứng chỉ KTV số: 1917/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.286.868.939	128.601.774.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.438.072.322	17.173.635.387
1. Tiền	111	V.01	14.438.072.322	17.173.635.387
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		82.747.206.057	81.460.436.596
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	79.024.872.213	76.257.550.833
2. Trả trước cho người bán	132		1.295.721.781	1.623.643.090
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	2.426.612.063	3.579.242.673
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		26.230.785.268	26.579.885.393
1. Hàng tồn kho	141	V.04	26.230.785.268	26.579.885.393
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.870.805.292	3.387.817.092
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		191.101.123	263.964.211
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	89.539.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	4.679.704.169	3.034.313.881
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.703.561.342	30.653.393.768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.688.561.342	26.878.567.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.979.530.984	14.834.168.526
- Nguyên giá	222		182.611.168.766	182.003.932.448
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(171.631.637.782)	(167.169.763.922)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	16.709.030.358	12.044.398.475
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.000.000	2.774.826.767
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	2.764.826.767
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.990.430.281	159.255.168.236

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		126.552.722.482	128.394.176.171
I. Nợ ngắn hạn	310		126.530.722.482	128.372.176.171
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	21.921.277.500	13.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		46.155.574.461	39.422.808.094
3. Người mua trả tiền trước	313		24.916.898.100	41.887.006.375
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	7.929.457.683	4.265.121.913
5. Phải trả công nhân viên	315		3.144.225.992	8.298.970.097
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	20.813.747.932	19.650.085.151
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.649.540.814	1.648.184.541
II. Nợ dài hạn	330		22.000.000	22.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.14	22.000.000	22.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.437.707.799	30.860.992.065
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	30.437.707.799	30.860.992.065
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		498.412.745	357.579.401
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		345.079.229	185.543.143
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.594.215.825	5.317.869.521
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.990.430.281	159.255.168.236

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			293,64	293,33
- EUR			285,71	285,47
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Liên

Hoàng Việt Thắng

Cao Thế Trung

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	133.193.098.404	181.029.325.698
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.193.098.404	181.029.325.698
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	114.307.949.620	161.836.966.451
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.885.148.784	19.192.359.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	900.812.708	745.646.378
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	2.612.706.389	1.683.357.222
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.612.706.389	1.683.357.222
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.866.687.477	12.964.255.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.306.567.626	5.290.392.603
11. Thu nhập khác	31		1.367.170.770	2.271.040.726
12. Chi phí khác	32		536.062.460	465.083.762
13. Lợi nhuận khác	40		831.108.310	1.805.956.964
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.137.675.936	7.096.349.567
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	1.543.460.111	1.778.480.046
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.594.215.825	5.317.869.521

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Liên

Hoàng Việt Thắng

Cao Thế Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆTheo phương pháp trực tiếp
Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	131.128.694.657	178.009.835.503
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(113.391.265.172)	(169.073.494.394)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.599.709.672)	(17.788.895.686)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.612.706.389)	(1.683.357.222)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(374.182.138)	(2.196.192.920)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.383.407.132	946.389.902
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.727.607.858)	(2.909.478.552)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.193.369.440)	(14.695.193.369)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(867.363.000)	(101.687.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	331.379.167	290.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	900.812.708	744.884.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	364.828.875	933.197.346
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.590.000.000	28.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44.868.722.500)	(24.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.628.300.000)	(1.226.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.092.977.500	2.773.460.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.735.563.065)	(10.988.536.023)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.173.635.387	28.162.171.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.438.072.322	17.173.635.387

Người lập biểu



Trần Thị Liên

Kế toán trưởng



Hoàng Việt Thăng

Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Cao Thế Trung